

Bản án số: 08/2021/DS-ST

Ngày: 20-4-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Long và bà Nguyễn Thị Tơ;

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thương - Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2021/QĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 31/2021/QĐ-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm: 1985 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981 (*Vắng mặt*)

Ông Phạm Quốc T, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D trình bày:* Ngày 06/4/2019, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T có mượn của bà số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 20%/năm, hạn đến ngày 06/5/2019 sẽ trả hết gốc và lãi.

Từ khi mượn đến nay, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T, ông T không chịu trả tiền, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông T phải trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi của lãi.

Tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà T, ông T trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và lãi suất gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn. Bà không yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải chịu tiền lãi của lãi.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T, ông T không có mặt để giải quyết.

Vụ án không thể tiến hành hòa giải theo quy định do vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và đưa vụ án trên ra xét xử.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T, ông T phải trả cho bà D số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định. Do bà D không yêu cầu tính tiền lãi của lãi nên không xem xét. Bà T, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Lê Thị Hồng D khởi kiện bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà T, ông T có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện H, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D có mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T đã được triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Việc vắng mặt này của bà T, ông T được coi như từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Giấy mượn tiền ngày 06/4/2019 thể hiện việc bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T có vay mượn số tiền 100.000.000 đồng của bà Lê Thị Hồng D. Giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bà T, ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà T, ông T vay mượn số tiền 100.000.000 đồng là có thật và buộc phải hoàn trả số tiền này cho bà Lê Thị Hồng D.

[2.2] Lãi suất: Tại phiên tòa, bà D chỉ yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải chịu lãi suất trong hạn và lãi quá hạn. Bà không yêu cầu vợ chồng bà T, ông T phải chịu tiền lãi của lãi. Đây là sự tự nguyện của bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Giấy mượn tiền ngày 06/4/2019 thể hiện việc vay tiền có thời hạn, có lãi suất. Thời hạn vay 01 (một) tháng từ ngày 06/4/2019 đến ngày 06/5/2019. Lãi suất thỏa thuận 20%/năm là phù hợp với quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Lãi suất quá hạn từ ngày 07/5/2019 đến ngày 20/4/2019 là 23 tháng 14 ngày được tính là 30%/năm. Cụ thể:

- Lãi trong hạn: $100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ tháng} = 1.667.000 \text{ đồng}$

- Lãi quá hạn: $100.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/\text{năm} \times 23 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 58.667.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi phải trả: 60.334.000 đồng.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D cũng như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H. Buộc vợ chồng bà T, ông T phải trả cho bà D số tiền 160.334.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T, ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng D. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T phải trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 160.334.000 (*một trăm sáu mươi triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

- Bà Lê Thị Hồng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà D số tiền 3.016.700 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 009350 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T phải chịu 8.016.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Hồng D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Quốc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương